

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN ĐỊA : KHỐI LỚP 9

TUẦN 11- TIẾT 22

BÀI 20 :VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC TÀI LIỆU VÀ THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU.

I/ Yêu cầu đạt được:

- Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và ý nghĩa của chúng đối với phát triển kinh tế.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên của vùng và những thuận lợi khó khăn đối với sự phát triển kinh tế xã hội .
- Biết một số loại tài nguyên của vùng quan trọng nhất là đất, việc sử dụng đất tiết kiệm, hợp lí và bảo vệ đất khỏi bị ô nhiễm là một trong những vấn đề trọng tâm của vùng Đồng bằng sông Hồng.
- Trình bày đặc điểm dân cư, xã hội của vùng và những thuận lợi khó khăn đối với phát triển kinh tế - xã hội. Biết ảnh hưởng của mức độ tập trung dân cư đông đúc tới môi trường.

1. Hoạt động 1: Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ vùng ĐBSH

- Quan sát hình 20.1, các nhóm thảo luận và thực hiện nhiệm vụ sau:
 - + Diện tích?
 - + Gồm các tỉnh/ thành phố nào?
 - + Trình bày đặc điểm vị trí địa lí và nêu ý nghĩa đối với phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

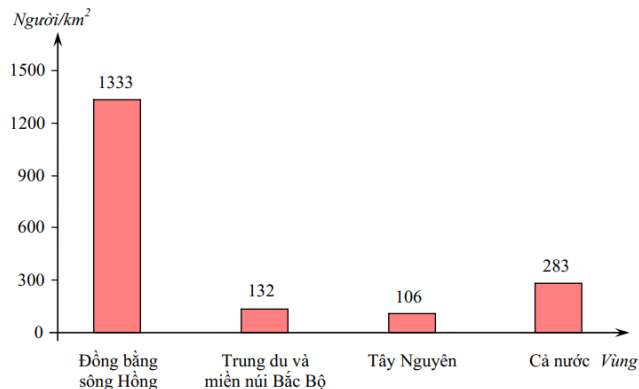
2. Hoạt động 2: Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng ĐBSH

nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi sau:

- Nêu ý nghĩa của sông Hồng đối với sự phát triển nông nghiệp và đời sống dân cư của vùng.
- Hãy nêu các đặc điểm tự nhiên của đồng bằng sông Hồng.
- Điều kiện tự nhiên của đồng bằng có những thuận lợi và khó khăn gì đối với phát triển kinh tế - xã hội?
- Kể tên và nêu sự phân bố các loại đất ở Đồng bằng sông Hồng.

3. Hoạt động 3: Đặc điểm dân cư xã hội của vùng ĐBSH (hs tự học)

Biểu đồ mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên và cả nước năm 2017 (người/km²) [trang 73]



- Dựa vào hình, so sánh mật độ dân số của vùng so với mức trung bình cả nước, của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
- Mật độ dân số cao ở đồng bằng sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì trong sự phát triển kinh tế – xã hội?
- Quan sát bảng số liệu, nhận xét tình hình dân cư - xã hội của vùng đồng bằng sông Hồng so với cả nước?

Một số tiêu chí về dân cư, xã hội của vùng Đồng bằng sông Hồng

Tiêu chí	Đơn vị	Năm	Đồng bằng sông Hồng	Cả nước
Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên	%	2017	0,77	0,81
Tỉ lệ thất nghiệp ở đô thị	%	2019		3,07
– ĐBSH (không kể Hà Nội)	%	2019	2,41	
– Hà Nội	%	2019	2,79	
Tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn	%	2017	1,57	2,07
Thu nhập bình quân đầu người/tháng	Nghìn đồng	2016	3883,3	3097,6
Tỉ lệ người lớn biết chữ	%	2017	98,3	95,1
Tuổi thọ trung bình	Năm	2019	75,0	73,6
Tỉ lệ dân số thành thị	%	2017	36,6	35,0

- Quan sát hình 20.3 cho biết kết cấu hạ tầng vùng Đồng bằng sông Hồng.

HOẠT ĐỘNG 2: KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH TỰ HỌC

Sau khi trả lời các câu hỏi phần đặt vấn đề học sinh ghi ra được nội dung bài học gồm các nội dung sau:

I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

- Diện tích: 14.806 km²

- Tiếp giáp:

+ Phía Bắc, Đông Bắc, phía Tây giáp TDVMNBB

+ Phía Nam giáp Bắc Trung Bộ

+ Phía Đông Nam giáp Vịnh Bắc Bộ.

- Vùng đồng bằng sông Hồng bao gồm ĐB châu thổ sông Hồng, dãy đất rìa trung du và vịnh BB với hai đảo lớn Cát Bà và Bạch Long Vĩ.

- Ý nghĩa: có vị trí địa lí thuận lợi trong giao lưu kinh tế xã hội với các vùng trong nước.

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên :

+ Đặc điểm

- Châu thổ sông Hồng bồi đắp .

- Khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh .

- Nguồn nước dồi dào .

- Chủ yếu đất phù sa.

- Vịnh Bắc Bộ giàu tiềm năng .

+ Thuận lợi

- Đất phù sa màu mỡ, điều kiện khí hậu , thủy văn thuận lợi cho thâm canh lúa nước .

- Thời tiết có mùa đông lạnh thuận lợi cho việc trồng một số cây ưa lạnh .

- Một số khoáng sản có giá trị đáng kể : đá vôi, than nâu , khí tự nhiên .

- Vùng biển thuận lợi cho nuôi trồng , đánh bắt thủy sản , du lịch .

+ **Khó khăn:** Thiên tai (bão , lũ lụt , thời tiết thất thường) ít tài nguyên khoáng sản .

III. Đặc điểm dân cư và xã hội (HS tự học)

IV. Bài tập

Câu 1: Đồng bằng sông Hồng không chịu ảnh hưởng của loại thiên tai nào sau đây?

- A. Bão. B. Lũ lụt. C. Hạn hán. D. Lũ quét.

Câu 2: Sự khác nhau cơ bản giữa đất phù sa đồng bằng sông Hồng và đất phù sa đồng bằng sông Cửu Long là

- A. vấn đề được bồi đắp phù sa hàng năm. B. diện tích
C. sự màu mỡ. D. độ nhiễm phèn, độ nhiễm mặn.

Câu 3: Đặc điểm nào sau đây không đúng với điều kiện kinh tế - xã hội trong chuyên môn hóa nông nghiệp của vùng đồng bằng sông Hồng?

- A. Có các cơ sở chế biến vừa và nhỏ
B. Mạng lưới đô thị dày đặc
C. Mật độ dân số cao nhất cả nước
D. Dân số có kinh nghiệm thâm canh lúa nước

Câu 4: Nguyên nhân chính làm cho Đồng bằng sông Hồng bị ngập úng nghiêm trọng nhất ở nước ta là ?

- A. Có mật độ dân số cao nhất nước ta.
B. Có địa hình thấp nhất so với các đồng bằng.
C. Có lượng mưa lớn nhất nước.
D. Có hệ thống đê sông, đê biển bao bọc.

Câu 5: Đồng bằng sông Hồng tiếp giáp với

- A. Biển Đông. B. Bắc Campuchia
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đông Nam Lào

***Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép:**

I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên :

+ Đặc điểm

+ Thuận lợi

+ Khó khăn:

III. Đặc điểm dân cư và xã hội (HS tự học)

IV. Bài tập

HS làm bài tập

Lưu ý: học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, trở ngại của học sinh sau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Trường: THCS Tam Thôn Hiệp

Lớp: 9

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Địa	I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên :	

Chuẩn bị nội dung bài 21: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (tt)

trả lời câu hỏi sgk

Liên hệ giáo viên bộ môn: Trương Thị Thanh Tuyền

Điện thoại: 0978899590